

Bản án số: 16/2021/HS-ST

Ngày: 20/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Hồng

Ông Ngô Hữu Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 187/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T (Tên gọi khác: /), sinh năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không đăng ký hộ khẩu thường trú; nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 0/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; họ và tên cha: Trần Văn Th, họ và tên mẹ: Nguyễn Thị P; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 28/5/2020; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hữu C (Tên gọi khác: Nhí), sinh năm 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không đăng ký hộ khẩu thường trú; nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; họ và tên cha: Không rõ, họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Đ; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 28/5/2020; có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH N; địa chỉ: 53/1/3 đường A, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật cho Công ty TNHH N: Ông Trần Tuấn A, sinh năm 1989; địa chỉ: 71/14 Khu phố C, phường D, thị xã Đ, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Bà Cao Thị C, sinh năm 1976; địa chỉ: xã L, huyện M, tỉnh Bạc Liêu; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 04 giờ ngày 28/5/2020, Trần Văn T đến chỗ ở của Nguyễn Hữu C, rủ C qua Quận 7 tìm xe ô tô để trộm cắp kính chiếu hậu. C đồng ý và lấy xe máy biển số 94E1-173.99, chở Trần Văn T đi từ Quận 4 qua Quận 7, khi đi đến trước nhà số S16 - 1, khu phố 6, phường T, Quận 7, thì thấy xe ô tô hiệu Honda CR-V G, biển số: 61A – 598.81 của Công ty TNHH N do ông Trần Tuấn A để không có người trông coi, C dừng xe cách xe ô tô 10 mét đứng cạnh giới, T xuống xe tiến lại xe ô tô, dùng tay bẻ 02 kính chiếu hậu xe ô tô rồi cùng C tẩu thoát thì bị lực lượng bảo vệ Phú Mỹ Hưng, Quận 7 phát hiện, truy đuổi bắt C và T cùng tang vật giao cho Công an phường T, Quận 7, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Trần Văn T và Nguyễn Hữu C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Theo Kết luận luận định giá tài sản số 164/KL-HĐĐGTTTHS ngày 12/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 7 kết luận: 02 kính chiếu hậu xe ô tô Honda CRV G, biển số 61A – 598.81 đăng ký lần đầu tháng 4/2019 có giá trị là 16.000.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 176/CT-VKSQ7 ngày 18/11/2020 Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7 đã truy tố các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hữu C về tội Trộm cắp tài sản theo Khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Hữu C, mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm 03 tháng tù giam.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Xe mô tô gắn biển số 94E1-173.99, có số khung không đổi VKVPCG0011L0203827, số máy mài phá sâu, không xác định được, đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước. Biển số xe 94E1-173.99 do bà Cao Thị C đứng tên chủ sở hữu, xe có số máy HC12E-5570967, số khung RLHHC1216DY570890, bà Chung bị mất xe từ năm 2015, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH N đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp 02 kính chiếu hậu xe ô tô hiệu Honda CR-V G, biển số 61A-598.81 tại trước nhà số S16 - 1, khu phố 6, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh như cáo trạng Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7 đã truy tố. Các bị cáo không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

- Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;
- Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt: Căn cứ Kết luận luận định giá tài sản số 164/KL-HĐĐGTTHS ngày 12/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 7, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, xét có đủ cơ sở để kết luận: Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hữu C đã lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản, lén lút chiếm đoạt 02 (hai) kính chiếu hậu xe ô tô hiệu Honda CR-V G, biển số 61A – 598.81 đang đậu trước nhà số S16 - 1, khu phố 6, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 16.000.000 đồng, hành vi này của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7 truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Các bị cáo biết rõ trộm cắp tài sản là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng do tham lam tư lợi, lười nhác lao động, bằng thủ đoạn táo bạo và liều lĩnh vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo bằng mức án nghiêm mới có đủ tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong vụ án này, bị cáo Trần Văn T là người rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Nguyễn Hữu C là người đứng cảnh giới cho bị cáo T thực hiện bẻ kính xe ô tô và cùng nhau tẩu thoát khi lấy được tài sản. Các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, là đồng phạm nhưng có tính chất giản đơn.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản trộm cắp đã trả lại cho người bị mất, nguyên đơn dân sự cũng không yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Xử lý vật chứng vụ án:

Tài sản bị chiếm đoạt 02 (hai) kính chiếu hậu xe ô tô hiệu Honda CR-V G, biển số 61A – 598.81 đã trả lại cho là có căn cứ.

Đối với chiếc xe gắn máy gắn biển số 94E1-173.99 các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, theo Kết luận giám định số 3377/C09B ngày 10/7/2020 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: Xe gắn máy gắn biển số 94E1-173.99, có số khung không đối VKVPCG0011L0203827, số máy mài phá sâu, không xác định được, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Biển số xe 94E1-173.99 gắn theo xe gắn máy, qua xác minh do bà Cao Thị C đứng tên chủ sở hữu, xe có số máy HC12E-5570967, số khung RLHHC1216DY570890, bà Chung bị mất xe từ năm 2015, nên tịch thu tiêu hủy số xe 94E1-173.99.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH N đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hữu C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/5/2020.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu C 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/5/2020.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ Luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước xe gắn máy hiệu Honda Dream, màu đen, gắn biển số 94E1-173.99, có số khung VKVPCG0011L0203827, số máy mài phá sâu, không xác định được.

Tịch thu tiêu hủy biển số xe 94E1-173.99.

(Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 136 ngày 08/9/2020).

4. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Bị cáo;
- Lưu (Tk Duyên).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phơ